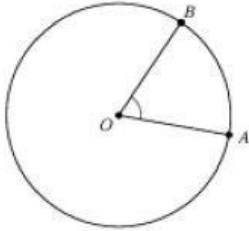
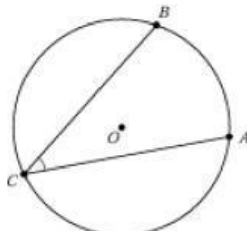


**ĐỀ KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN NỬA CUỐI KÌ II**  
**MÔN HÌNH HỌC 9**

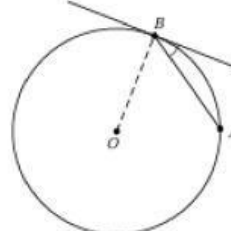
**Câu 1:** Hình nào dưới đây biểu diễn góc nội tiếp?



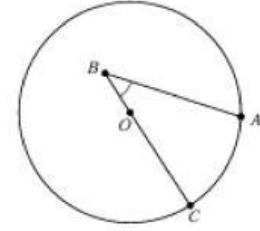
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1.
- B. Hình 2.**
- C. Hình 3.
- D. Hình 4.

**Câu 2:** Góc nội tiếp nhỏ hơn hoặc bằng  $90^\circ$  có số đo

- A. bằng nửa số đo góc ở tâm cùng chắn một cung.**
- B. bằng số đo của góc ở tâm cùng chắn một cung.
- C. bằng số đo cung bị chắn.
- D. bằng nửa số đo cung lớn.

**Câu 3:** Góc nội tiếp có số đo

- A. Bằng hai lần số đo góc ở tâm cùng chắn một cung.
- B. Bằng số đo của góc ở tâm cùng chắn một cung.
- C. Bằng số đo cung bị chắn.
- D. Bằng nửa số đo cung bị chắn.**

**Câu 4.** Chọn khẳng định sai trong các phát biểu sau?

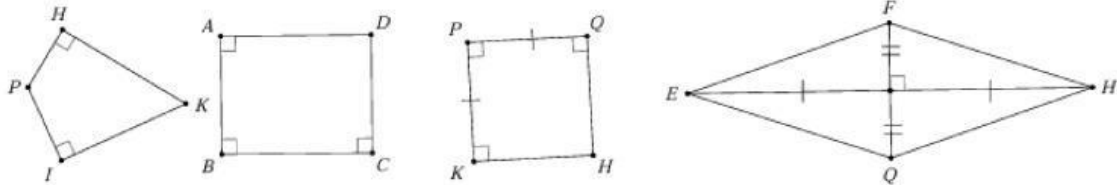
- A. Tứ giác có bốn đỉnh thuộc một đường tròn được gọi là tứ giác nội tiếp đường tròn.
- B. Mỗi hình chữ nhật là một tứ giác nội tiếp đường tròn.
- C. Tứ giác có bốn cạnh tiếp xúc với đường tròn được gọi là tứ giác nội tiếp đường tròn.**

D. Mỗi hình vuông là một tứ giác nội tiếp đường tròn.

**Câu 5.** Trong một tứ giác nội tiếp, tổng số đo của hai góc đối nhau bằng

- A.  $180^0$
- B.  $90^0$
- C.  $360^0$
- D.  $120^0$

**Câu 6.** Trong các tứ giác sau, có bao nhiêu tứ giác nội tiếp được đường tròn?



- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

**Câu 7.** Cho tứ giác ABCD nội tiếp đường tròn biết  $A = 2C$ . Vậy số đo góc C bằng:

- A.  $60^0$
- B.  $90^0$
- C.  $120^0$
- D.  $150^0$

**Câu 8.** Tâm đường tròn ngoại tiếp hình chữ nhật có hai kích thước 3cm và 4cm

- A. cách mỗi đỉnh một khoảng bằng 3cm
- B. cách mỗi đỉnh một khoảng bằng 2,5cm.
- C. cách mỗi đỉnh một khoảng bằng 4cm.
- D. cách mỗi đỉnh một khoảng bằng 5cm.

**Câu 9.** Tâm đường tròn ngoại tiếp hình vuông ABCD có  $AB=5$ cm là

- A. điểm nằm trên đoạn thẳng AC và cách A một khoảng bằng 5 cm.
- B. điểm nằm trên đoạn thẳng AD và cách A một khoảng bằng 2,5cm.

C. điểm nằm trên đoạn thẳng AD và cách A một khoảng bằng  $\frac{5\sqrt{2}}{2}$  cm.

D. điểm nằm trên đoạn thẳng AC và cách A một khoảng bằng  $\frac{5\sqrt{2}}{2}$  cm.

**Câu 10.** Cho hình trụ có chu vi đáy là  $8\pi$  và chiều cao  $h=10$ . Thể tích hình trụ là

A.  $40\pi$ .

B.  $80\pi$ .

C.  $120\pi$ .

D.  $160\pi$ .

**Câu 11.** Cho hình trụ có bán kính đáy  $R = 3$  cm và chiều cao  $h = 6$  cm . Diện tích xung quanh của hình trụ là.

A.  $18\pi$  .

B.  $24\pi$  .

C.  $36\pi$  .

D.  $40\pi$  .

**Câu 12.** Cho hình trụ có bán kính đáy  $R$  và chiều cao  $h$ . Nếu ta giảm chiều cao đi 9 lần và tăng bán kính đáy lên 3 lần thì.

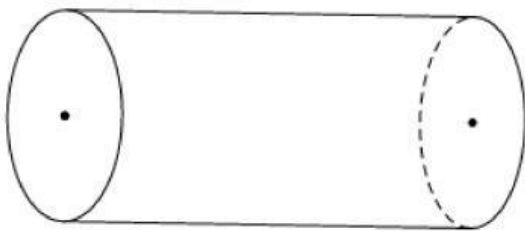
A. Thể tích hình trụ tăng 3 lần.

B. Diện tích xung quanh của hình trụ không đổi.

C. Thể tích hình trụ không đổi.

D. Thể tích hình trụ tăng 9 lần.

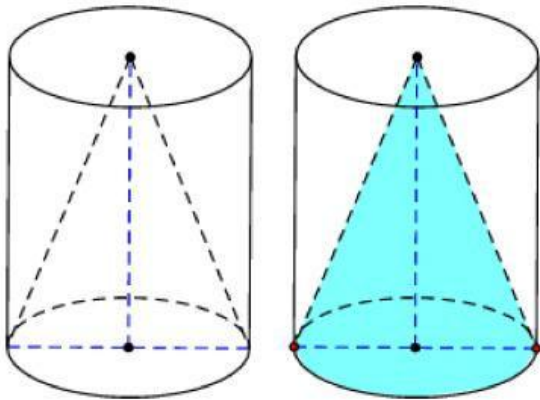
**Câu 13.** Một trục lăn có dạng hình trụ nằm ngang (như hình vẽ), hình trụ có diện tích một đáy  $S = 25\pi \text{ cm}^2$  và chiều cao  $h = 10$  cm .



Nếu trục lăn đủ 12 vòng thì diện tích tạo trên sân phẳng là bao nhiêu?

- A.  $1200\pi$  (cm<sup>2</sup>).
- B.  $600\pi$  (cm<sup>2</sup>).
- C.  $1000\pi$  (cm<sup>2</sup>).
- D.  $1210\pi$  (cm<sup>2</sup>).

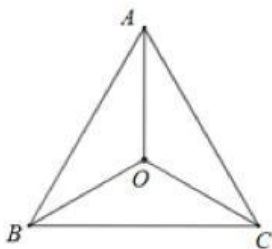
**Câu 14.** Từ một khúc gỗ hình trụ cao 15 cm, người ta tiện thành một hình nón (như hình vẽ).



Biết phần gỗ bỏ đi có thể tích là  $640\pi$  cm<sup>3</sup>. Tính thể tích của khúc gỗ hình trụ.

- A.  $960\pi$  (cm<sup>3</sup>).
- B.  $320\pi$  (cm<sup>3</sup>).
- C.  $640\pi$  (cm<sup>3</sup>).
- D.  $690\pi$  (cm<sup>3</sup>).

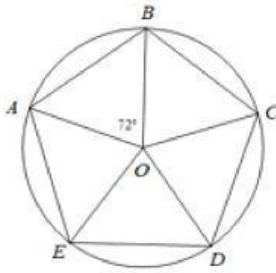
**Câu 15.** Cho tam giác đều ABC nội tiếp đường tròn tâm O. Phép quay thuận chiều  $120^\circ$  tâm O biến điểm A thành điểm nào?



- A. Điểm A.
- B. Điểm B.
- C. Điểm C.

D. Điểm  $O$ .

**Câu 16.** Cho ngũ giác đều  $ABCDE$  nội tiếp đường tròn  $O$ . Phép quay thuận chiều  $144^\circ$  tâm  $O$  biến điểm  $A$  thành điểm nào?



A. Điểm  $A$ .

B. Điểm  $B$ .

C. Điểm  $C$ .

D. Điểm  $D$ .

**Câu 17.** Cho tam giác đều  $ABC$  nội tiếp đường tròn tâm  $O$ . Phép quay giữ nguyên hình tam giác đều  $ABC$  là phép quay nào?

A. Phép quay thuận chiều  $90^\circ$  tâm  $O$ .

B. Phép quay thuận chiều  $180^\circ$  tâm  $O$ .

C. Phép ngược chiều  $90^\circ$  tâm  $O$ .

D. Phép thuận chiều  $120^\circ$  tâm  $O$ .

**Câu 18:** Cho tam giác  $ABC$  vuông tại  $A$  có  $AB=4\text{cm}$ ,  $BC=5\text{cm}$ . Khi quay tam giác  $ABC$  một vòng quanh cạnh  $AC$  ta được một hình nón có chiều cao bằng

A. 4 cm

B. 3 cm

C. 5 cm

D. 9 cm

**Câu 19.** Cho tam giác vuông  $ABC$  tại  $A$  có  $BC=10\text{cm}$ ;  $AC=8\text{cm}$ . Quay tam giác  $ABC$  quanh cạnh  $AB$  ta được một hình nón có thể tích là:

A.  $182 (\text{cm}^3)$ .

B.  $128\pi (\text{cm}^3)$ .

C.  $96\pi (\text{cm}^3)$ .

D.  $128 (\text{cm}^3)$ .

**Câu 20.** Nếu ta tăng bán kính đáy và chiều cao của một hình nón lên 2 lần thì diện tích xung quanh hình nón đó.

- A. Tăng 4 lần.
- B. Giảm 4 lần.
- C. Tăng 2 lần.
- D. Không đổi.